

Đầu năm học 2011 - 2012, Phòng CTCT và HSSV đã thông báo cho những sinh viên nộp cam kết phục vụ ngành (dành cho SV hệ sư phạm) và tất cả sinh viên phải cam kết không sử dụng ma túy và các chất gây nghiện. Tuy nhiên đến nay vẫn còn những sinh viên có tên trong danh sách chưa thực hiện.

- Đối với sinh viên không có cam kết phục vụ ngành thì phải đóng học phí giống như những sinh viên cam kết không vụ vụ trong ngành giáo dục

- Đối với sinh viên không nộp cam kết không sử dụng ma túy và các chất gây nghiện sẽ bị trừ điểm đánh giá rèn luyện trong quá trình học tập tại Trường

**DANH SÁCH SV CHƯA
NỘP CAM KẾT PHỤC VỤ
NGÀNH & MA TÚY K37
(các ngành sư phạm)**

ST HỌ TÊN MS NG KH LỚP
T VÀ N SV ÀY O A P
SIN
H

- | | | | |
|---|---------------|---------|---------|
| 1 | Phạm Việt Nam | K3708/ | Toán 1C |
| | | .10 12/ | n- |
| | han | 1.1 198 | Tin |
| | h | 60 2 | |
| 2 | Nguyễn Hạt | K3712/ | GD 1A |
| | yễn | .90 05/ | MN |
| | Thị | 2.0 199 | |
| | Hoàng | 22 3 | |
| 3 | Đặng Hà | K3701/ | GD 1A |
| | g | .90 06/ | MN |
| | Thị | 2.0 199 | |
| | Thu | 25 3 | |
| 4 | Lý Huệ | K3701/ | GD 1A |
| | Thụ | .90 03/ | MN |
| | c | 2.0 199 | |
| | | 40 3 | |
| 5 | Trần Ngọc | K3709/ | GD 1A |
| | n K c | .90 11/ | MN |
| | im | 2.0 199 | |
| | | 66 3 | |
| 6 | Trần Sa | K3701/ | GD 1A |
| | n | .90 09/ | MN |
| | Thị | 2.0 199 | |
| | Thu | 94 3 | |
| 7 | Nguyễn Thà | K3709/ | GD 1A |
| | yễn o | .90 06/ | MN |
| | Phạm | 2.1 199 | |
| | m P | 03 3 | |
| | hương | | |

- ng
8 Pha ThùK3723/ GD 1A
n y .90 08/ MN
Thị 2.1 199
Ki 14 3
m
9 NguThùK3720/ GD 1A
yễn y .90 09/ MN
Thị 2.1 199
Phur 16 3
ong
10 Vũ TrinK3703/ GD 1A
Thị h .90 05/ MN
Tuy 2.1 199
ết 31 3
11 Trà YênK3714/ GD 1A
n .90 07/ MN
Thị 2.1 199
Mỹ 50 3
12 HoàÁi K37 GD 1A
ng .90 TC
Đức 3.0
04
13 Lê Đạt K37 GD 1A
Tiế .90 TC
n 3.0
22
14 Trà HoàK37 GD 1A
n ng .90 TC
Huy 3.0
39
15 NguKhaK3710/ GD 1A
yễn .90 11/ TC
Văn 3.0 199
51 2
16 HuỳKhảK3728/ GD 1A
nh i .90 01/ TC
Tấn 3.0 199
54 3
17 Trư NghK37 GD 1A
ơng ã .90 TC
Trọ 3.0
ng 79
18 Võ Tâ K37 GD 1A
Duy m .90 TC
3.1
00
19 Phạ Tân K3726/ GD 1A
m .90 06/ TC
Min 3.1 199

	h	03	3	
20	Đỗ Thắc	K37	GD 1A	
	Vănng	.90	TC	
		3.1		
		09		
21	Vũ Tuấn	K3714/	GD 1A	
	Đứcn	.90 08/	TC	
		3.1 199		
		30	3	
22	NgưTú	K3720/	GD 1A	
	yễn	.90 03/	TC	
	Ngọ	3.1 199		
	c	35	2	
23	Bùi Viễ	K3715/	GD 1A	
	Thế n	.90 10/	TC	
		3.1 199		
		42	0	
24	Pha Hiế	K3728/	GD 1B	
	n Mu	.90 02/	TC	
	inh	3.0 199		
		32	1	
25	Hồ Hiế	K3724/	GD 1B	
	Trợ n	.90 12/	TC	
	ng	3.0 199		
		35	1	
26	Hoà Lý	K37	GD 1B	
	ng	.90	TC	
	Thị	3.0		
	Hải	65		
27	Lê Mừ	K37	GD 1B	
	Vănng	.90	TC	
		3.0		
		75		
28	NgưPhá	K37	GD 1B	
	yễn t	.90	TC	
	Hồn	3.0		
	g	86		
29	NgưPhú	K3712/	GD 1B	
	yễn c	.90 01/	TC	
	Tha	3.0 199		
	nh	91	3	
30	NgưPhư	K3717/	GD 1B	
	yễn ơng	.90 11/	TC	
	Hoà	3.0 199		
	i	92	2	
31	Mai Sơn	K37	GD 1B	
	Văn	.90	TC	
		3.0		
		98		
32	Tôn Tân	K3706/	GD 1B	

- g H .90 12/ TC
uỳn 3.1 199
h 04 3
- 33 Phạ Thi K3715/ GD 1B
m ệu .90 07/ TC
Văn 3.1 199
16 2
- 34 Lê Tiế K37 GD 1B
Minn .90 TC
h 3.1
22
- 35 NguTùnK3723/ GD 1B
yễn g .90 10/ TC
Tha 3.1 198
nh 34 9
- 36 Bùi Vũ K3720/ GD 1B
Thá .90 06/ TC
i 3.1 199
46 3
- 37 ĐoàDuyK37 GD 1C
n N .90 TC
hất 3.0
15
- 38 NguHải K3710/ GD 1C
yễn .90 08/ TC
Đin 3.0 199
h 30 2
- 39 Trà Hiế K3727/ GD 1C
n Tru .90 07/ TC
ung 3.0 198
33 7
- 40 LuruHoaK3720/ GD 1C
Tuy .90 04/ TC
ết 3.0 199
36 3
- 41 Thá HùnK37 GD 1C
i Ki g .90 TC
m 3.0
48
- 42 Phạ KhoK3729/ GD 1C
m Ta .90 10/ TC
uẩn 3.0 199
55 3
- 43 Võ SơnK37 GD 1C
Ngọ .90 TC
c 3.0
99
- 44 Phạ Tân K3712/ GD 1C
m .90 08/ TC
Min 3.1 199

- h 02 3
- 45 Trư Tân K3731/ GD 1C
ơng .90 10/ TC
Nh 3.1 199
ựt 05 3
- 46 Đặn Thị K3708/ GD 1C
g Trnh .90 05/ TC
ươn 3.1 199
g C 18 2
ông
- 47 NguThự K3707/ GD 1C
yễn c .90 09/ TC
Văn 3.1 199
20 3
- 48 Trầ Tú K37 GD 1C
n .90 TC
Thị 3.1
Cả 36
m
- 49 NguVư K3701/ GD 1C
yễn ơng .90 06/ TC
Văn 3.1 199
47 2
- 50 NguTra K3708/ Tiế 1C
yễn ng .70 12/ ng
Thù 1.1 199 Anh
y 13 3
- 51 Pha Nhu K3710/ Tiế 1B
n ng .70 01/ ng
Thị 2.0 199 Nga
Hồn 40 2
g